TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 6 -2023
V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Hải
2. Ông: Mai Đức Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Duyến – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST – ST, ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Thị T - sinh năm: 1986 – Có mặt
HKTT: Thôn Hồng Ph, xã Định H, thị xã Nghi S, Thanh H.
Nơi ở hiện nay: thôn Văn Y, xã Hải Y, thị xã Nghi S, Thanh H.
- *Bị đơn:* anh Trương Đình Th - sinh năm: 1989 – Vắng mặt
HKTT: Thôn Hồng Ph, xã Định H, TX. Nghi S, Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa chị Trần Thị T trình bày như sau: Chị và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định H vào năm 2009. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Th có quan hệ bất chính với người khác và có hai người con riêng từ đó trong cuộc sống vợ chồng không còn niềm tin với nhau, cuộc sống không hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Th không có trách nhiệm với vợ con vì vậy đến năm 2021 chị và anh Th đã sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: chị và anh Th có hai con chung, cháu Trương Đình Ph – sinh ngày 24/11/2009, cháu Trương Đình Đ – sinh ngày 01/7/2020. Kể từ thời điểm vợ chồng sống ly thân cháu Ph ở với bố còn chị trực tiếp nuôi cháu Đ. Nay ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cả hai cháu. Tuy nhiên tại phiên tòa chị thay đổi

nguyện vọng do cháu Ph muốn ở với anh Th nên chị đồng ý theo nguyện vọng của cháu Ph. Về cấp dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan điểm của anh Trương Đình Th: Quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần Tòa án triệu tập anh Th lên làm việc nhưng anh Th cố tình trốn tránh không lên làm việc vì vậy Tòa án không thể lấy lời khai hay nguyện vọng của anh Trương Đình Th

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147,227 và 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trương Đình Th. Về con chung giao cháu Ph cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Buộc chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Đình Th là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã Nghi S nên TAND Thị xã Nghi Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh Th cố tình trốn tránh, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bản thân. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh Th vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt thủ tục hợp lệ, đúng theo quy định cho anh Th vì vậy HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt anh Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do anh Th cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể làm việc được.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định H vào năm 2009. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Th sống không chung thủy, không chịu khó làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Hiện tại anh Th và chị T đang sống ly thân nhau. Xét về phần

trình bày của chị T và qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị tại chính quyền địa phương. HĐXX thấy đời sống hôn nhân giữa chị T và anh Th không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nguyên nhân do anh Th thiếu trách nhiệm với gia đình, vì vậy HĐXX xét thấy nếu có kéo dài cũng không có hạnh phúc nên căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn với anh Th.

[3] Về con chung: Về con chung: anh chị có hai con chung. Hiện tại anh Th đang nuôi cháu Trương Đình Ph. Cháu Ph có nguyện vọng ở với anh Th, chị T cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu Ph. Xét nguyện vọng của cháu Ph và chị T phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ nên HĐXX chấp nhận giao cháu Ph cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị T nuôi dưỡng cháu Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Các bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, các bên không được ngăn cấm. Trong trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của nhau.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS ; Căn cứ vào các Điều 51, 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trương Đình Th.

2. Về con chung: Chị T và anh Th có hai con chung cháu Trương Đình Ph – sinh ngày 24/11/2009, cháu Trương Đình Đ – sinh ngày 01/7/2020. Giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ph cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Các bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Trong trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của nhau.

3. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số

AA/2021/0012463, ngày 24 tháng 2 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T vắng mặt anh Th. Chị T sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử lại theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CC.THA-DS thị xã Nghi Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã Định H, TX. Nghi S, Thanh H.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Cúc